

HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Để giao dịch chứng khoán phái sinh, Nhà đầu tư cần:

I. MỞ TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN PHÁI SINH

Quý khách vui lòng mở tài khoản chứng khoán phái sinh để thực hiện giao dịch.

II. NỘP TIỀN VÀO TÀI KHOẢN PHÁI SINH

Để nộp tiền giao dịch phái sinh(tiểu khoản .50), Quý khách thực hiện theo hướng dẫn sau:

1. Nộp tiền trực tiếp tại Quầy Kế toán Giao dịch tại Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng giao dịch của Vietinbank Securities

2. Chuyển khoản vào Tài khoản chứng khoán định danh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV

Số tài khoản: **CTS + Tài khoản chứng khoán + Đầu tiểu khoản**

Tại: **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV**

(Ví dụ: Để chuyển tiền vào Tiểu khoản .50 cho tài khoản **007C123456** => Khách hàng chọn **Ngân hàng BIDV** và nhập Số tài khoản ngân hàng: **CTS007C12345650** => Hệ thống hiển thị đúng tên **Khách hàng** => Vui lòng **Xác nhận chuyển tiền**)

3. Chuyển khoản vào Tài khoản chứng khoán định danh tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VietinBank

Số tài khoản: **Tài khoản chứng khoán + Đầu tiểu khoản**

Tại: **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VietinBank**

(Ví dụ: Để chuyển tiền vào Tiểu khoản .50 cho tài khoản **007C123456** => Khách hàng chọn **Ngân hàng VietinBank** và nhập Số tài khoản ngân hàng: **007C12345650** => Hệ thống hiển thị đúng Tên **Khách hàng** => Vui lòng **Xác nhận chuyển tiền**)

III. Thông số quản lý Tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh

(áp dụng cho nhà đầu tư trong nước)

STT	Nội dung thông số	Thông số quy định
1	Tỷ lệ ký quỹ ban đầu	18%

2	Ngưỡng cảnh báo 1 (Wa1): Tài khoản bị yêu cầu bổ sung tài sản ký quỹ để đưa tỷ lệ sử dụng tài sản về mức < 75%	75%
3	Ngưỡng cảnh báo 2 (Wa2): Tài khoản bị yêu cầu bổ sung tài sản ký quỹ để đưa tỷ lệ sử dụng tài sản về mức < 75%	85%
4	Ngưỡng cảnh báo 3 (Wa3): Tài khoản bị bắt buộc phải xử lý để đưa tỷ lệ sử dụng tài sản về mức < 75%	95%
5	Giới hạn vị thế tối đa cho Khách hàng cá nhân đối với Hợp đồng Tương lai chỉ số VN30/HNX30	4.999 hợp đồng
6	Giới hạn vị thế tối đa cho Khách hàng tổ chức đối với Hợp đồng Tương lai chỉ số VN30/HNX30	9.999 hợp đồng
7	Giới hạn vị thế tối đa cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đối với Hợp đồng Tương lai chỉ số VN30/HNX30	19.998 hợp đồng

IV.THỰC HIỆN GIAO DỊCH :Để giao dịch chứng khoán phái sinh, cách nhanh và đơn giản nhất là Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng khoán phái sinh trên Unitrade. Cụ thể như sau:

1. Giao dịch phái sinh

Nhà đầu tư (NĐT) đăng nhập Unitrade, chọn tab “Giao dịch phái sinh” ở thanh công cụ phía trên màn hình, cạnh tab “Giao dịch cơ sở”. Để đặt lệnh phái sinh, NĐT có thể đặt lệnh ngay tại phần Đặt lệnh nhanh ở phía dưới màn hình hoặc Đặt lệnh nhanh từ Bảng giá trên Unitrade. Có 2 loại lệnh để đặt giao dịch CKPS là Lệnh thường và Lệnh điều kiện.

1.1.Đặt lệnh nhanh từ bảng giá

Để đặt lệnh nhanh từ bảng giá, NĐT click chuột phải vào bất kỳ vị trí nào trên dòng hiển thị của mã HĐ cần đặt, chọn chức năng Mua/ Bán, hệ thống sẽ tự nhập mã vào phần đặt lệnh. Sau đó, NĐT cần chọn Lệnh thường hoặc Lệnh điều kiện. Sau đó, NĐT cần chọn tiếp Loại lệnh (LO, ATC, ATC, MTL, MAK, MOK), nhập Giá và Khối lượng (tương tự như tại chứng khoán cơ sở).

1.2.Đặt lệnh từ tab Đặt lệnh nhanh

Phần Đặt lệnh tự động hiển thị khi NĐT chọn vào phần “Đặt lệnh phái sinh”. Nếu phần Đặt lệnh không hiển thị, NĐT có thể kích hoạt bằng cách click vào tab “Đặt lệnh” ở phía dưới cùng bên phải

màn hình. Sau đó nhập các thông tin về Mã CK, loại lệnh, giá và khối lượng tương tự như phần Đặt lệnh nhanh từ bảng giá. Sau khi nhập các thông tin lệnh, NĐT nhấn vào nút MUA hoặc BÁN ở phía dưới, kiểm tra lại các thông tin trên màn hình pop up, nhập mật khẩu xác thực để hoàn thiện lệnh đặt, tương tự như với lệnh cơ sở.

1.3. Nhập lệnh thành công Sau khi nhập lệnh thành công, lệnh sẽ được tự động đẩy vào phần sổ lệnh bên dưới.

2. Sổ lệnh giao dịch Phái sinh (đối với lệnh thường)

2.1. Tab Sổ lệnh Phái sinh

Sổ lệnh giao dịch phái sinh là sổ lệnh hiển thị tất cả các lệnh thường đã được đặt. Để vào xem Sổ lệnh phái sinh, NĐT click chuột vào tab “Sổ lệnh phái sinh” trên thanh chức năng “Đặt lệnh phái sinh” phía trên cùng của màn hình. Trong phần Sổ lệnh phái sinh, NĐT có thể lựa chọn lọc theo các tiêu chí như Mã CK, Trạng thái lệnh, thời gian đặt lệnh, và nhấn nút Tìm. Sổ lệnh sẽ hiển thị toàn bộ lệnh đã được đặt.

2.2. Tab Sổ lệnh trong ngày

Đây là Sổ lệnh chỉ hiển thị các lệnh thường được đặt trong ngày. Để vào phần này, NĐT click chọn vào nút “Sổ lệnh” ở thanh chức năng phía dưới cùng của màn hình. Để Sửa/Hủy lệnh, NĐT click vào icon ... , thực hiện sửa hoặc hủy như trên Giao dịch cơ sở.

2.3. Sổ lệnh trước giờ

Sổ lệnh trước giờ bao gồm các lệnh được đặt trước giờ giao dịch. Khi vào giờ giao dịch, lệnh đủ điều kiện sẽ được đẩy vào Sổ lệnh và sẽ không còn hiển thị trong Sổ lệnh trước giờ.

2.4. Tab Lệnh khớp/Vị thế/Vị thế đóng.

- Sổ Lệnh khớp hiển thị các lệnh đã khớp trong ngày.
- Tab Vị thế: Hiển thị các vị thế đang mở. Có thể Đóng vị thế với nút “Đóng vị thế” ngay tại màn hình Vị thế.
- Tab Vị thế đóng: Hiển thị các vị thế đã đóng.

3. Thông tin tài khoản phái sinh

NĐT có thể Tra cứu thông tin tài khoản phái sinh từ Thanh công cụ phía trên của màn hình. Các thông tin có thể tra cứu bao gồm:

- Thông tin chi tiết của chủ tài khoản
- Thông tin tài sản, chứng khoán ký quỹ

- Các vị thế đang mở và lãi/lỗ tạm tính.

Cách đọc Thông tin chung của Tài khoản phái sinh như sau:

Khoản mục	Nội dung
Tiền ký quỹ	Tiền ký quỹ của NĐT tại VSD (Tiền có trên tiểu khoản .51)
Chứng khoán ký quỹ	Giá trị chứng khoán ký quỹ của NĐT tại VSD (là giá trị chứng khoán ký quỹ đã nhân với tỷ lệ chiết khấu của từng mã CK ký quỹ)
TK giao dịch	Tiền của NĐT giao dịch CKPS tại CTS (Tiền có trên tiểu khoản .50)
Ký quỹ ban đầu (IM)	Giá trị ký quỹ ban đầu realtime tương ứng với vị thế CKPS NĐT nắm giữ
Lãi lỗ trong ngày (VM)	Giá trị lãi lỗ các vị thế CKPS realtime của tài khoản NĐT
Ký quỹ chuyển giao (DM)	Giá trị cần ký quỹ chuyển giao HĐTL Trái phiếu chính phủ
Ký quỹ tương hỗ (SM)	Giá trị ký quỹ tương hỗ khi KH nắm giữ các mã hợp đồng có hệ số tương quan với nhau (theo quy định của VSD)
Lãi lỗ chờ thanh toán	Giá trị lãi hoặc lỗ của tài khoản NĐT chờ thanh toán
Nghĩa vụ ký quỹ (MR)	Giá trị ký quỹ yêu cầu ($MR = IM + VM + DM + SM$)
	Lãi lỗ trong ngày (VM) chỉ được tính vào giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu trong trường hợp vị thế trong danh mục đầu tư trên tài khoản của nhà đầu tư có lỗ
Số dư ký quỹ	Giá trị ký quỹ hợp lệ = Tiền ký quỹ + Giá trị Chứng khoán ký quỹ theo tỷ lệ có trong tài sản ký quỹ

Tiền nợ GD CKPS	Dư nợ về GD CKPS của NĐT (Nợ phí giao dịch và Nợ lỗ vị thế)
Khả dụng rút ký quỹ	Giá trị có thể rút ký quỹ tại VSD (Khả dụng rút tiền của tiểu khoản .51)
Khả dụng rút tại CTCK	Giá trị có thể tại CTCK (Khả dụng rút tiền của tiểu khoản .50)
Tỷ lệ sử dụng tài sản	Là tỷ lệ giữa MR và Số dư ký quỹ
Mức cảnh báo tài sản	Mức cảnh báo tài sản (không hiện thị mức 1,2,3 là tài khoản ở trạng thái an toàn)

4. Quản lý vị thế phái sinh

Tab Quản lý vị thế phái sinh cho phép NĐT tra cứu các vị thế theo mã hợp đồng phái sinh. NĐT có thể đặt lệnh từ màn hình này bằng cách click vào biểu tượng Đặt lệnh ở mỗi dòng mã hợp đồng.

5. Tiềm ích phái sinh

5.1.Nộp/rút ký quỹ phái sinh

Để thực hiện nộp/rút ký quỹ phái sinh, NĐT chọn trong tab “Tiềm ích phái sinh” ở thanh công cụ phía trên của màn hình.Sau đó, NĐT lựa chọn 1.Rút ký quỹ hoặc 2.Nộp ký quỹ tại con trỏ xuống. Thông tin TK chuyển và TK nhận được hệ thống tự động cập nhập và đây là các thông tin cố định không thể thay đổi. NĐT chỉ có thể Rút ký quỹ từ tiểu khoản .51 sang tiểu khoản .50 hoặc Nộp ký quỹ từ tiểu khoản .50 lên tiểu khoản .51.Các Yêu cầu chuyển khoản được hiển thị ở phía dưới. NĐT có thể lọc theo thao tác thực hiện (Nộp hoặc rút ký quỹ), thời gian, Trạng thái lệnh được VSD trả về.

5.2.Chuyển khoản chứng khoán ký quỹ

NĐT có thể chuyển khoản chứng khoán ký quỹ từ tiểu khoản .51 sang các TK .01 hoặc .50 hoặc ngược lại từ màn hình “Chuyển khoản chứng khoán ký quỹ”. NĐT lựa chọn TK chuyển và TK nhận, mã CK cũng như Số lượng muốn chuyển. Sau đó nhấn nút “Tạo mới”. Yêu cầu thành công sẽ hiển thị ở phía dưới phần lệnh chuyển.